

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 107/2024/DS-ST
Ngày: 13/ 12 /2024
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Bà Phan Thị Oanh

2/Bà Đào Thị Ngâm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thùy Dung-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên** tham gia phiên tòa: Ông Cao Tấn Tiền- Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 195/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp “ Hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Cẩm N, sinh năm 1982; Trú tại: thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1981; Trú tại: Khu phố C, phường P, thành phố T, Phú Yên. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/7/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị Cẩm N trình bày: Ngày 26/11/2014, bà T có vay của tôi 12.000.000 đồng; thời gian vay 01 năm; lãi suất các bên thỏa thuận 5 0.000 đồng/triệu/tháng. Các bên có lập giấy vay tiền đề ngày 26/11/2014. Tuy nhiên cho đến nay bà T vẫn không trả tiền gốc 12.000.000 đồng cho tôi. Sau đó, tôi có cho bà T vay nhiều lần tầm khoảng 150.000.000 đồng, bà T trả nhiều lần, mỗi lần một ít và đến ngày 28/6/2016, bà T viết giấy nợ tôi 86.000.000 đồng. Sau đó bà T cũng nhiều lần trả, mỗi lần trả tôi đều theo dõi, trừ nợ cho bà T và đến ngày 29/11/2018 thì bà T không trả nữa. Đối với giấy nợ ngày 28/6/2016 thì bà T đã trả được

41.000.000 đồng còn lại 45.000.000 đồng chưa trả. Nay tôi yêu cầu bà T trả đủ số tiền 57.000.000 đồng tiền gốc phát sinh từ giấy vay tiền ngày 26/11/2014 và giấy nợ ngày 28/6/2016, không yêu cầu tiền lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Tôi (Nguyễn Thị T) xác định có vay 12.000.000 đồng của bà N và có viết giấy vay tiền ngày 26/11/2014 là đúng. Đến nay, tôi xác định đã trả 12.000.000 đồng cho bà N nhưng vì tin tưởng nên không yêu cầu bà N hủy giấy vay tiền này. Liên quan đến giấy nợ 86.000.000 đồng ngày 28/6/2016 được tôi giải trình như sau: Tôi có vay bà N nhiều lần, đã trả nhiều đợt và đến ngày 28/6/2016 thì tôi có viết giấy nợ bà N 86.000.000 đồng, tức xem như chốt nợ đến ngày 28/6/2016. Số tiền này bao gồm cả gốc lẫn lãi và có cam kết trả 2.000.000 đồng/tháng. Sau khi viết giấy nợ ngày 28/6/2016, tôi đã trả nhiều lần nhưng không nhớ chính xác là bao nhiêu. Tôi xác nhận đến ngày 05/4/2018 đã trả 29.000.000 đồng và có ký xác nhận tên “*Thu*” tại mặt sau của giấy nợ bản gốc mà bà N đã cung cấp cho Tòa án. Sau ngày 05/4/2018, tôi tiếp tục trả thêm khoảng 46 triệu đồng nữa nhưng bà N không trừ nợ cho tôi. Tôi không có tài liệu chứng cứ để chứng minh việc trả thêm tiền này vì tin tưởng bà N. Tôi xác định đến nay chỉ còn nợ bà N 40.000.000 đồng và đồng ý trả nhưng vì điều kiện kinh tế quá khó khăn, không nhà cửa, nuôi con đang tuổi ăn học nên không có điều kiện trả đủ một lần; chỉ có thể sang đầu năm 2025 trả 500.000 đồng/tháng.

Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà T có nghĩa vụ trả đủ 57.000.000 đồng tiền gốc (*Trong đó 12.000.000 đồng phát sinh từ “giấy vay tiền” ngày 26/11/2014 và 45.000.000 đồng phát sinh từ “giấy nợ” ngày 28/6/2016*), không yêu cầu tiền lãi.

- Bị đơn bà T xác định số tiền 12.000.000 đồng theo “*giấy vay tiền*” ngày 26/11/2014 đã trả nhưng không có tài liệu chứng cứ gì; riêng “*giấy nợ*” 86.000.000 đồng ngày 28/6/2016 đến nay xác nhận còn nợ 45.000.000 đồng là đúng và đồng ý trả nhưng vì điều kiện kinh tế quá khó khăn, không nhà cửa, nuôi con đang tuổi ăn học nên không có điều kiện trả đủ một lần; chỉ có thể trả 500.000 đồng/tháng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa. Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và qua tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Cẩm N về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị T thực hiện nghĩa vụ trả đủ 57.000.000 đồng phát sinh từ “*giấy vay tiền*” ngày 26/11/2014 và “*giấy nợ*” ngày 28/6/2016 cho nguyên đơn bà Bùi Thị Cẩm N. Về án phí bà T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định

[1] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều xác định: **(1)** Ngày 26/11/2014, bị đơn bà T có vay 12.000.000 đồng của nguyên đơn bà N, thời hạn vay 01 năm và bà T có viết **“giấy vay tiền”**. **(2)** Ngày 28/6/2016, bị đơn bà T có viết **“giấy nợ”** để xác nhận còn nợ nguyên đơn bà N 86.000.000 đồng; đã trả được 41.000.000 đồng và hiện còn nợ 45.000.000 đồng. Đây đều là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét, khoản tiền vay 12.000.000 đồng tại **“giấy vay tiền”** ngày 26/11/2014 bà T cho rằng đã trả cho bà N nhưng lại không xuất trình tài liệu chứng cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 4 Điều 70 và khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xem xét tài liệu chứng cứ này thì thấy đây là hợp đồng vay có kỳ hạn 01 năm. Tuy nhiên đến hạn trả nợ nhưng bị đơn bà T không trả đủ tiền vay cho nguyên đơn là đã vi phạm hợp đồng vay, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do đó có căn cứ buộc bị đơn bà T có nghĩa vụ trả 12.000.000 đồng theo **“giấy vay tiền”** ngày 26/11/2014 cho nguyên đơn bà N.

[3] Xét, khoản nợ 86.000.000 đồng tại **“giấy nợ”** ngày 28/6/2016 (DL) thấy: Tại phiên tòa, bị đơn bà T xác nhận còn nợ 45.000.000 đồng và đồng ý trả nhưng vì điều kiện kinh tế quá khó khăn, không nhà cửa, nuôi con đang tuổi ăn học nên không có điều kiện trả đủ một lần; chỉ có thể trả 500.000 đồng/tháng nhưng nguyên đơn bà N không đồng ý. Xem xét tài liệu này, Hội đồng xét xử thấy, bị đơn bà T **“hứa trả hằng tháng 2.000.000 đồng vào ngày 20 âm lịch hằng tháng”**. Tuy nhiên việc trả nợ của bà T đến ngày 29/11/2018 thì không trả nữa là đã vi phạm hợp đồng vay tài sản, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do đó có căn cứ buộc bị đơn bà T có nghĩa vụ trả 45.000.000 đồng theo **“giấy nợ”** ngày 28/6/2016 cho nguyên đơn bà N.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2026 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn **bà T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $5\% \times 57.000.000 \text{ đồng} = 2.850.000 \text{ đồng}$. Nhưng bị đơn bà T được chính quyền được phương xác nhận có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên được giảm $\frac{1}{2}$ tiền án phí phải nộp theo quy định nên chỉ phải nộp 1.425.000 đồng. Hoàn trả lại cho nguyên đơn **bà N** 1.425.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002824 ngày 08/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 6, khoản 3 Điều 26, 35, 70, 91, 92, 147, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự. **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Cẩm N về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị T thực hiện nghĩa vụ trả đủ tiền vay gốc 57.000.000 đồng.

2. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả đủ số tiền 57.000.000 đồng phát sinh từ “*giấy vay tiền*” ngày 26/11/2014 và “*giấy nợ*” ngày 28/6/2016 cho nguyên đơn bà Bùi Thị Cẩm N.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của mình thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.425.000 đồng. Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Bùi Thị Cẩm N 1.425.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002824 ngày 08/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND Tp . Tuy Hòa;
- Chi cục THADS Tp. Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu HSVA.

Lê Minh Tâm